

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, công suất 640 m³/ngày đêm”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Xét Công văn số 3400/STNMT-MT ngày 25/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, công suất 640 m³/ngày đêm” và Văn bản số 163/BQLDA ngày 10/11/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar “V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, công suất 640 m³/ngày đêm”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 396/TTr-STNMT ngày 04/12/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, công suất 640 m³/ngày đêm” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xuân Phú, huyện

Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Môi trường (thay b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ea Kar;
- Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar (Đ/c: số 09 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar);
- TTPVHCC tỉnh;
- TTCN& Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT TẬP TRUNG XÃ XUÂN
PHÚ, HUYỆN EA KAR, CÔNG SUẤT 640M³/NGÀY ĐÊM**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, công suất 640 m³/ngày đêm.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Xuân Phú, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ea Kar.
- Địa chỉ liên lạc: Số 09 Trần Hưng Đạo, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô sử dụng đất:
 - + Công trình bể lọc: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar với diện tích 12,6 m².
 - + Công trình bể chứa nước sạch: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Ka với diện tích 90,2 m².
 - + Trạm bơm cấp II: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar với diện tích 35,7m².
 - + Giếng khoan LK01 tại trạm cấp nước; LK02 tại vườn cây nông nghiệp của Ông Đào Đức Hoàn, LK03 tại hội trường thôn Tân Tiến.
- Quy mô công suất cấp nước: 640m³/ngày đêm.

1.3. Công nghệ sản xuất

Nước từ các giếng khoan → Trạm bơm giếng khoan → Bể lọc → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới đường ống cấp nước → Các hộ gia đình tiêu thụ nước.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

- Các hạng mục công trình chính:
 - + Công trình bể lọc: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar với diện tích 12,6 m².
 - + Công trình bể chứa nước sạch: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar với diện tích 90,2 m².

+ Trạm bơm cấp II: xây dựng tại thôn 1, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar với diện tích 35,7m².

+ Giếng khoan LK01 tại trạm cấp nước; LK02 tại vườn cây nông nghiệp của Ông Đào Đức Hoàn, LK03 tại hội trường thôn Tân Tiến.

- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm có:

+ Nhà quản lý vận hành diện tích 68,9m².

+ Sân bê tông diện tích 147m².

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường gồm có:

+ Hồ thu nước từ quá trình súc rửa bể lọc 19,8m³.

+ Hệ thống thu gom thoát nước mưa.

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn thể tích 6,5m³.

+ Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn cây trồng, thảm thực vật);

+ Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động xử lý nước cấp;

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;

+ Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thu dọn cây trồng, thảm thực vật; đào đắp, san gạt mặt bằng;

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Quy trình xử lý nước cấp như sau: Nước từ các giếng khoan → Trạm bơm giếng khoan → Bể lọc → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới đường ống cấp nước → Các hộ gia đình tiêu thụ nước.

- Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án) với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án) với lưu lượng khoảng 0,2 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh. Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bể lọc khoảng 3m³/lần (định kỳ 1 tuần/lần),

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn cây trồng, thảm thực vật); đào đắp, san gạt mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân viên. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 30 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 2 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu không đạt chuẩn, rơi vãi trong suốt quá trình thi công (Ước tính khoảng 213 kg/ngày).

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn phát sinh từ quá trình xử lý nước khoảng 2,6kg/ngày (chủ yếu là vật liệu lọc thải bỏ, thành phần gồm cát, thạch anh).

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu với khối lượng ít; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ốc quy, pin, bao bì cứng nhựa có chứa thành phần nguy hại...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 2 kg/tháng; thành phần chủ yếu là bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, gang tay dính dầu mỡ bôi trơn thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường liên xã) và vùng dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất.

+ Tác động do sự cố sụt lún, trượt lở, cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: sử dụng nhà vệ sinh của gần khu vực dự án để xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn thể tích 6,5m³. Sau đó định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình súc rửa bề lọc được thu gom dẫn về hố thu nước có kích thước 3 x 3 x 2,2m để lắng cặn, nước sau lắng đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó dẫn về mương thoát nước của dự án và thải ra mương thoát nước của đường bê tông liền kề dự án.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

Giảm thiểu mùi hôi từ hóa chất xử lý nước cấp: bố trí kho chứa hóa chất cách xa nhà vận hành và khu dân cư lân cận. Bảo quản hóa chất trong thùng kín, dán nhãn mác cụ thể và hướng dẫn sử dụng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Sinh khối phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng sẽ được thu gom, tận dụng hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

- Tận dụng lượng đất đào thải vào san lấp mặt bằng. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy đặt tại khu vực nhà vận hành để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải, vật liệu lọc thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn. Thực hiện lấy mẫu, phân định, phân loại bùn thải để có biện pháp quản lý theo quy định (Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý như chất thải công nghiệp thông thường).

- Yêu cầu: Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định (Diện tích khoảng 10 m²). Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

Lắp đặt máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước cấp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về hóa chất

Thực hiện quản lý hoá chất theo đúng Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất; Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 8/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống cháy nổ.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công, xây dựng.
- Vị trí: 01 điểm (Tại vị trí tiếp giáp với dự án về cuối hướng gió).
- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn thi công, xây dựng.
- Vị trí: 03 điểm (Tại vị trí 03 giếng khoan khai thác nước của dự án).
- Thông số: pH, Độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃), Chỉ số Pemanganat, Tổng chất rắn hòa tan, Amôni, Nitrat, Nitrit, Clorua, Florua, Fe, As, Cd, Tổng Coliforms, E. Coli.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.4. Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.2.1. Giám sát chất lượng nước cấp

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí: 01 điểm (01 điểm tại vị trí đầu nối vào hệ thống phân phối nước).

- Thông số: Màu, mùi vị, độ đục, pH, độ cứng, TDS, Amoni, Clo dư tự do, Nitrit, Nitrat, Sắt, Nhôm, E.Coli, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí: 03 điểm (Tại vị trí 03 giếng khoan khai thác nước của dự án).

- Thông số: pH, Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3), Chỉ số Pemanganat, Tổng chất rắn hòa tan, Amôni, Nitrat, Nitrit, Clorua, Florua, Fe, As, Cd, Tổng Coliforms, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2.4. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2.5. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: sự cố sụt lún và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được

cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án.

6.4. Thực hiện đầy đủ thủ tục về khai thác nước dưới đất theo quy định. Chỉ khai thác nước sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước tại khu vực được phê duyệt và phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.5. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.7. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.